

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HẢI LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HẢI LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI LONG TRADE AND MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400946451

**3. Ngày thành lập:** 21/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đại Mão, Xã Đại Thành, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0356838386

Fax:

Email: hailong92jsc@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt nhôm kính các loại, các loại cửa cuốn, cửa sắt, cửa inox, cửa kéo, cửa nhựa...  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Chống ẩm, chống thấm nước của các công trình xây dựng                              | 4390     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, tôn, inox các loại                                             | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, nước                                         | 4669     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                      | 7410     |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                              | 7710     |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                   | 4690     |
| 14. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                  | 2394     |
| 15. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                            | 2410     |

|     |                                                                                                                                                                         |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 16. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511                                                         |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592(Chính)                                                  |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất nhôm kính các loại, các loại cửa cuốn, cửa sắt, cửa inox, cửa kéo                     | 2599                                                         |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933                                                         |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210                                                         |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224                                                         |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730                                                         |
| 23. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100                                                         |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314                                                         |
| 25. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319                                                         |
| 26. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320                                                         |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101                                                         |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102                                                         |
| 29. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212                                                         |
| 30. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221                                                         |
| 31. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222                                                         |
| 32. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223                                                         |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229                                                         |
| 34. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291                                                         |
| 35. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293                                                         |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299                                                         |
| 37. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311                                                         |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312                                                         |
| 39. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321                                                         |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752                                                         |
| 41. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753                                                         |
| 42. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759                                                         |
| 43. | * Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện.                                                           | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **TRẦN MẠNH HẢI** Giới tính: **Nam**  
Sinh ngày: **30/11/1993** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **024093001516**  
Ngày cấp: **16/04/2021** Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Thôn Đại Mão, Xã Đại Thành, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn Đại Mão, Xã Đại Thành, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN MẠNH HẢI** Giới tính: **Nam**  
Chức danh: **Giám đốc**  
Sinh ngày: **30/11/1993** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **024093001516**  
Ngày cấp: **16/04/2021** Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Thôn Đại Mão, Xã Đại Thành, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn Đại Mão, Xã Đại Thành, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

## 9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang**